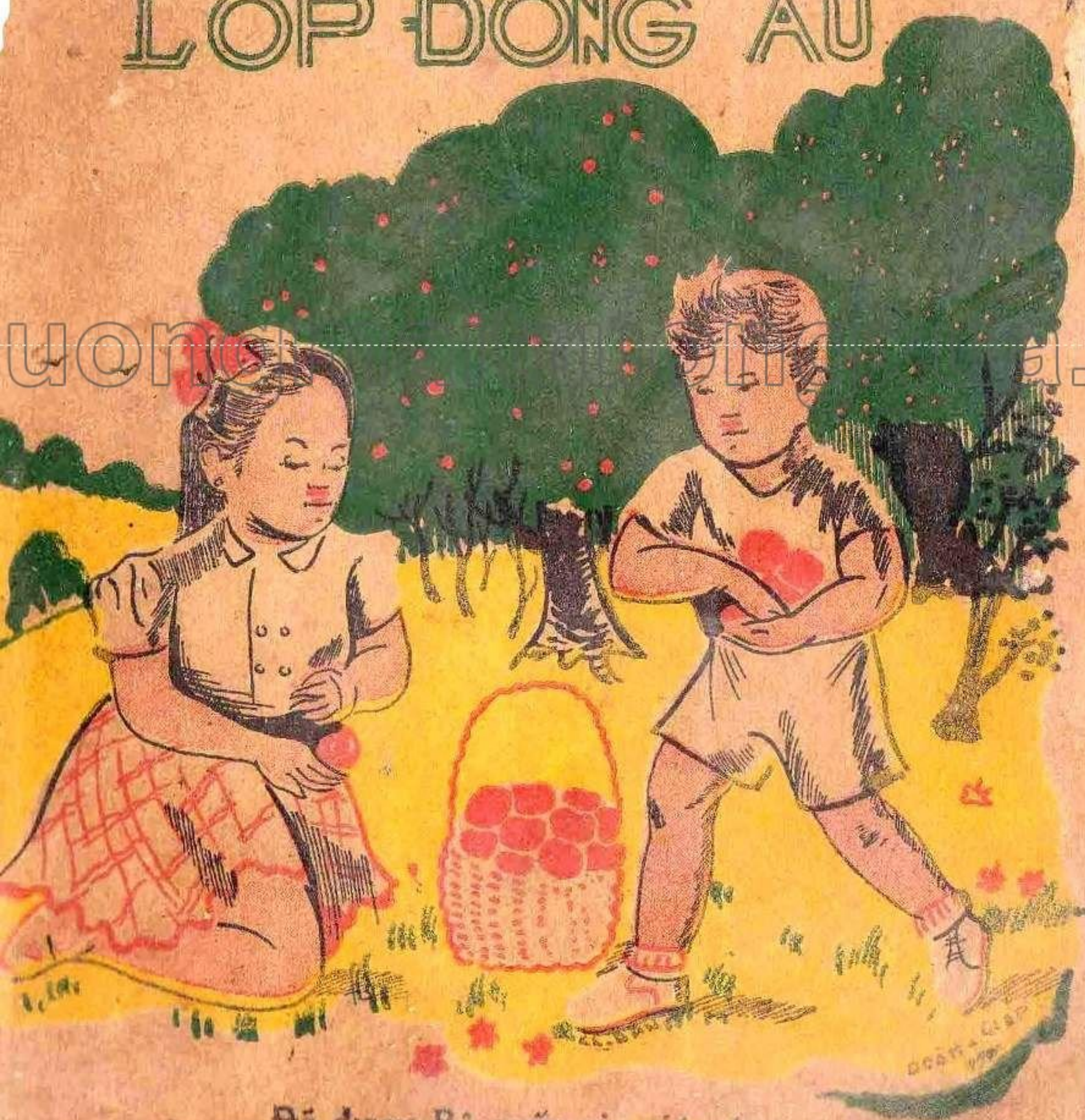


NGUYEN THI HAI

SÁCH TẬP ĐỌC

LỚP ĐỒNG ÂU



Đã được Bộ quốc-gia giáo-dục
chuẩn nhận làm sách giáo-khoa

Tác-giả : NGUYỄN-THỊ-HAI
NỮ GIÁO-VIÊN

SÁCH TẬP ĐỌC

LỚP ĐÔNG ẤU



ĐỀ TỰA

Bà Nguyễn-thị-Hai có mỹ-ý nhờ tôi đề tựa quyển sách nhỏ này. Tôi vô cùng cảm kích và ái-ngại vì đây là một quyển sách rất quan-trọng đối với ai là người hiểu biết chút ít về vai tuồng quan-trọng của loại sách khai-tâm và vai tuồng quan-trọng của ông Thầy có phận sự phá ngu cho trẻ em.

Người ta thường có cái ý-niệm sai lầm rằng văn quốc-ngữ dễ học, sách văn cho trẻ em viết thế nào cũng được. Sự thật, quyển văn là cả một tương-lai của trẻ em, một tương-lai của dân-tộc. Ta thử nghĩ cái công-dụng sâu xa của quyển văn trong nước Việt-Nam ngày nay với tiếng Việt làm chuyên-ngữ, với nền giáo-dục tiểu-học cưỡng-bách, với phong-trào chống nạn mù chữ sôi-nổi, bùng-bột.

Quyển văn là cây đuốc rọi yển sáng lên từng lớp dân-chúng, từng thế-hệ trẻ em.

Quyển văn là cái chìa khóa mở rộng cửa lâu-đài văn-minh cho dân-tộc.

Vì thế người ta không thể cầu-thả trong việc soạn sách văn cũng như không thể cầu-thả trong việc chọn sách văn cho trẻ em học.

Quyển văn này có những đặc-điểm mà tôi cần phải nêu lên để gọi là không phủ nhận công-phu của tác-giả.

Về phương-diện trình-bày và ấn-loát những hình vẽ và chữ in rõ-ràng, thích-hợp, làm vui mắt trẻ em.

Về phương-diện giáo-khoa, bà Nguyễn-thị-Hai đã đem thực-hành kinh-nghiệm của bà trong mười mấy năm phụng-sự nền giáo-huấn nước nhà. Bản chỉ dẫn phương-pháp trong lời nói đầu là một pho sư-phạm kinh-nghiệm.

Các bài vở bên trong sắp có thứ tự, lớp-lang, căn cứ trên nguyên-tắc đi từ dễ đến khó, các câu tập đọc ứng-dụng thích-hợp và đượm nhuần một ý-niệm luân-lý đơn-sơ để cảm-hóa lòng non da trẻ của mấy em.

Đối với những quyển văn hiện hữu, tôi đĩnh-ninh rằng quyển văn của bà Nguyễn-thị-Hai sẽ không làm hồ mặt tác-giả.

Tôi xin thành-thật tán-dương công-nghiệp của bà và thành-tâm giới-thiệu cùng độc-giả.

TRẦN-CỬU-CHẤN

Tấn-sĩ Văn-chương

LỜI TỰA

Quyển sách « Tập đọc lớp đồng-ấu » do Bà Nguyễn-thị-Hai soạn, vừa ra mắt các trẻ em Việt-nam, là một công trình gồm đủ ba đặc-tính : kỹ-thuật, mỹ-thuật và luân-lý. Sách chứa nhiều tranh ảnh tươi đẹp, bài học ngắn, vui, đem nhuần tình-thần lao-nhã của một nhà mô-phạm biết yêu nghề, yêu người, yêu vật, yêu quê hương đất nước.

Công-phu của Bà Nguyễn-thị-Hai đáng cho chúng ta khuyến-khích.

Mong rằng quyển sách « Tập đọc lớp đồng-ấu » của Bà Nguyễn-thị-Hai sẽ là quyển sách của mọi gia-đình ưu-ái đến sự giáo-dục con em buổi vỡ lòng và là quyển sách giáo-khoa lớp đồng-ấu nơi các học đường Việt-nam. Tôi thành thật viết mấy hàng thô-sơ để giới-thiệu tác-phẩm của Bà Nguyễn-thị-Hai với trẻ em Việt-nam và các bạn đồng-nghiệp xa gần khắp toàn quốc.

Saigon, ngày 30 tháng 9 d. l. năm 1952.

NGÔ-KIEM-LIENG

Nữ giáo-viên trưởng
ĐA-KAO

Lời nói đầu

Chữ Việt-ngữ dễ học hơn nhiều thứ chữ khác là nhờ hình chữ đơn-sơ, âm-vận cấu-tạo hợp pháp và vì tiếng nước nhà vốn đọc-âm.

Nhưng muốn dạy trẻ em cho có kết-quả tốt, thầy giáo phải cần biết phương-pháp thực-hành mới đúng.

Lối dạy Việt - ngữ trong sách này không theo trật-tự a, b, c, như cũ, mà lại bắt đầu dạy 12 nguyên-âm : a, ă, â, e, ê, i, y, o, ô, ơ, u, ư, vì nguyên-âm tự nó có âm và ghép thành vần. Sau mới dạy 27 phụ-âm. Trong 27 phụ-âm có 16 chữ đơn và 11 chữ kép.

Sách này chia làm hai chương :

CHƯƠNG NHỨT

1.— Học nguyên-âm đơn

2.— Học phụ-âm đơn

b (bờ), c (cờ), d (dờ), đ (đờ), g (gờ), h (hờ), k (ca), l (lờ), m (mờ), n (nờ), p (pờ), r (rờ), s (sờ), t (tờ), v (vờ) (1), x (xờ).

3.— Học phụ-âm kép

ch (chờ), gi (gi), gh (gh), kh (khờ), ng (ngờ), ngh (ngờ), nh (nhờ), ph (phờ), qu (quờ), th (thờ), tr (trờ).

CHƯƠNG NHÌ

Học nguyên-âm kép hay vần ngược

Vần ngược có bốn thứ

1.— Vần có hai chữ : do hai nguyên-âm kết lại. Thí-dụ : ai, ôi, ên vần vân.

2.— Vần có hai chữ : do một nguyên-âm đơn và một phụ-âm đơn hay kép kết lại. Thí-dụ : ôn, in, ưng, anh.

3.— Vần có ba chữ : do một nguyên-âm đơn thêm vào vần hai chữ. Thí-dụ : o-ai, y-ên vần vân.

4.— Vần có bốn chữ : do một nguyên-âm đơn thêm vào vần ba chữ : u-ynh, u-yeh.

NÊN NHỚ : c - g - ng luôn luôn đứng trước o - u - ư
o - ô - ơ. Còn : k - gh - ngh luôn luôn đứng trước e - ê - i

(1) Nên đọc v (vờ) giống như người Bắc để phân biệt với d (dờ)

Cách đọc vần xuôi

Trước hết đọc chữ phụ-âm rồi đọc tiếp luôn chữ nguyên-âm cho thật lẹ, hai tiếng dính liền nhau, thì tự-nhiên thành ra vần xuôi. Thí-dụ : chữ **ba** phải đọc bô-a cho thật lẹ thành ra **ba**, chữ **du** đọc thật lẹ dờ-u thành ra **du**.

Cách đọc vần ngược

Trước hết đọc nguyên-âm rồi đọc tiếp luôn phụ-âm cho thật lẹ, (1) hai tiếng dính liền nhau, thì tự-nhiên thành ra vần ngược.

Thí-dụ :

ae đọc lẹ **a-cờ** thành ra **ae**
at đọc lẹ **a-tờ** thành ra **at**
ue đọc lẹ **u-cờ** thành ra **ue**
ut đọc lẹ **u-tờ** thành ra **ut**
ôe đọc lẹ **ô-cờ** thành ra **ôe**
ôt đọc lẹ **ô-tờ** thành ra **ôt**

Đọc như xưa **a-cờ-ae a-tờ-at**, đã trát giọng mà phải mất công nhớ.

Đọc vần có ba chữ

Thí-dụ : chữ **oan**, thì đọc **o-an** thật lẹ thành ra **oan**.

Đọc vần có bốn chữ

Thí-dụ : chữ **uy-ên** đọc ráp hai vần hai chữ **uy** và **ên** thì thành ra **uyên**.

NÊN NHỚ : Nếu gặp vần khúc mắc thì phải đánh vần mới ra.

Đọc nguyên tiếng

Tiếng nào có một chữ âm hay là một vần thì chỉ biết mặt chữ và thuộc vần là đọc được. Thí-dụ : ý, à, ít, ôi.

Các tiếng khác phải chia ra chữ và vần rồi đọc. Thí-dụ : **tôi** chia ra **t-ôi** mà đọc chữ phụ-âm **t** (tờ) nhỏ và ngắn, rồi đọc liền vần **ôi** lớn và dài.

Cách sau đây giúp học trò đọc mau lẹ.

Thầy viết chữ phụ-âm cho lớn trên bảng đen, rồi gắn lên ở phía sau chữ ấy những tấm cát-long (carton), trên đó có viết sẵn vần và sơn màu cho đẹp, rồi bảo học trò đọc thành tiếng.

(1) Đọc phụ-âm xuống giọng như cờ, tờ v. v.

Thí-dụ :

T **ôi** **H** **ọc**

Phương-pháp thực-hành

Phương-pháp thực-hành phải : **Trực-Tiếp và Linh-Hoạt.**

Thầy giáo nên để ý đến những khoản sau đây, dạy mới có kết-quả đẹp.

1.— Tạo không khí để dạy. Lấy chuyện vui giúp cho học trò dễ nhớ và dễ tìm ra chữ hoặc vần đang học. Áp-dụng các ngữ-quan của trẻ như mắt, tai v. v... Phải cho trẻ đọc mà nhớ, tay viết mà nhớ.

Thí-dụ dạy chữ **O**.

Bảo một đứa học-trò đến trước lớp, giả làm con gà trống, ra bộ-tịch, rón gân cổ để gáy **Ồ Ồ Ồ ! Ồ Ồ Ồ !**

Thầy hỏi : Lúc gáy miệng trò thê nào ?

Học-trò trả lời : Thừa thầy miệng tròn.

Thầy bảo học-trò kiểm những món đồ tròn giống chữ **O**.

2.— Viết chữ **O** (hoặc chữ nào đang học) trên bảng đen cho rõ, rồi chỉ từng nét. So sánh những chỗ giống hay khác với chữ đã học rồi.

3.— Thầy đọc trước rồi bảo cả lớp đọc theo.

4.— Học trò đọc từ đưa một.

5.— Tập cho học-trò viết ngay từ bài đầu, học đến đâu viết đến đó, viết nhiều chừng nào tốt chừng nấy : **đừng đợi cho học trò biết đọc rồi mới tập viết.** Ban đầu dạy viết trên trung không. Sau dùng phấn viết trên bảng nhỏ. Lần lần mới dùng bút chì để luyện nét.

6.— Phải tập ráp vần bằng những tấm cát-long, có viết sẵn, để sau chữ phụ-âm đã viết lớn trên bảng đen.

7.— Đọc nguyên tiếng.

8.— Tập làm câu với những chữ đã học.

9.— Đọc bài « tập đọc » đã soạn sẵn trong sách — hoặc những câu mà thầy giáo và học-trò đã kiểm-đăng và viết trên bảng đen.

- 10.— Tập vẽ những món đồ tương tự với chữ đã học.
 11.— Sau cùng, nếu có thể được, thì dạy chữ hoa và chữ in.
 12.— Mỗi buổi học phải ôn lại bài đã học.



Câu hát truyền khẩu ⁽¹⁾

Những câu hát này có mục đích giúp cho dễ nhớ và làm cho lớp học vui.

i, t (tờ) giống móc cả hai
i ngắn có chấm, **t** (tờ) dài có ngang
u là hai móc liền nhau
 chữ **ư** khác bởi cái râu thêm vào
m, ba móc xuống một hàng
n, thì hai móc cũng giống như trên
o tròn như cái hột gà
ô thì đôi nón, **ơ** là thêm râu
a, o hai chữ khác nhau
 vì **a** có cái móc câu bên mình
 Huyền ngang, sắc dọc, nặng tròn
 Hỏi khom lưng đứng, ngã buồn nằm ngang
e, ê, l (lờ) cũng một loài
ê đôi cái nón, **l** (lờ) dài thân hơn
d, (à) là **u** lò đầu lên
 còn **đ** có gạch ngang trên một lần
x, như người đứng tréo chân
y, dài với **h** như chừng bà con

(1) Những câu hát này trích trong quyển Truyền-Bá Quốc-Ngữ.

U u — U u



Ư! Ư! Ư!

Tập đọc :

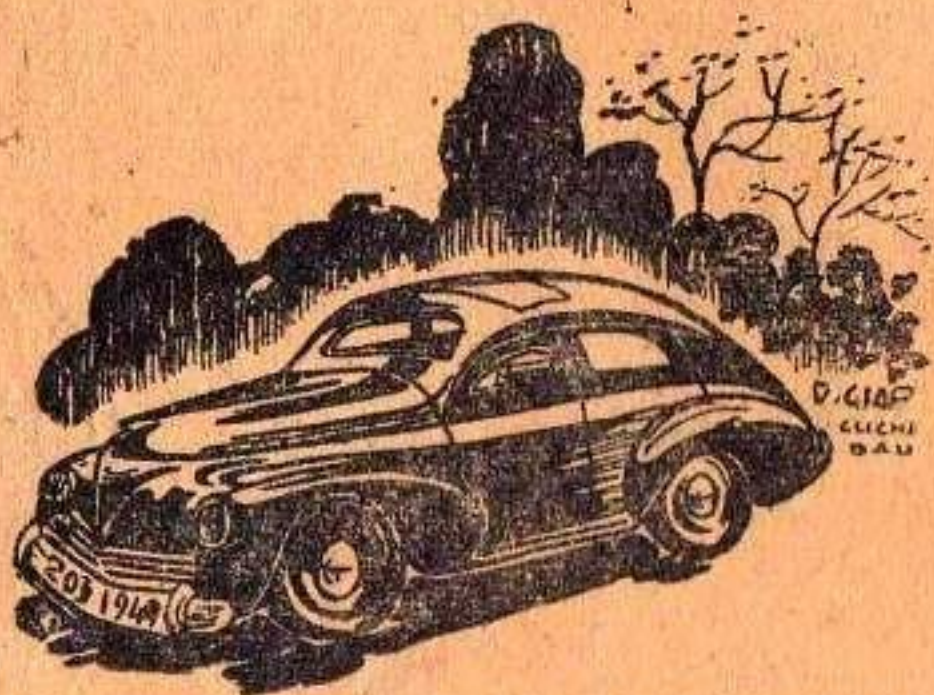
ù, ù u u u, u ú ư ử ử
 ư! ư! ư! u, u, u, ù, ù,
 ừ, ử, ử, ư.

Tập viết :

ư! ư! ư!

BÀI SỐ 14

C c — X x



Xe ô-tô

Tập đọc :

Ca co cô cơ cu cừ.

Xa xe xê xi xo xô xơ xu xư.

Xả xệ, xa xa, xe cũ, cô
 tư đi xe, mẹ nó đi xe cũ,
 đi xừ xa, xô nó ra.

Tập viết :

Cô tư đi xe cũ

BÀI SỐ 15

V v — B b



Bí bo ! bí bo !

Tập đọc :

Va ve vê vi vo
 vô vơ vu vư.

Ba be bê bi bo
 bô bơ bu bư.



Vò vè

Bỏ vớ vô tử, bà tú vô tư,
 bò đá dê, vò vò, xe bò, xe bí,
 bà bế bé.

Tập viết :

Xe bà đã về

R r r — Ch ch

Tập đọc :

Ra re rê ri
ro rô rơ ru.
rư.

Cha che chê
chi cho chô
chơ chu chư.

Chị Chi đi
chợ chị chê
cá rô.

Cha chú,
nụ chè, rô bí,
rô cà, rô mè.

Ra đi đội bê-rê



Chó

Tập viết :

Chê cá rô

S s — G g g — Gi



Se sẻ

Tập đọc :

Sa se sê
sì sy sô sô
sơ su sư.

Ga-go gô
gơ gu gư.

Gi gia gie
giê gio giô
giơ giu
giư.



Gà mẹ

Gà so, gà giò, gà ri nở, gà cồ mỗ
gà giò, vô sỗ sò, sư gổ mỗ, ba giờ.

Tập viết :

Đồ sù rê

L l — P p — Ph ph

Tập đọc:

La le lê li ly
lo lô lơ lu lư.

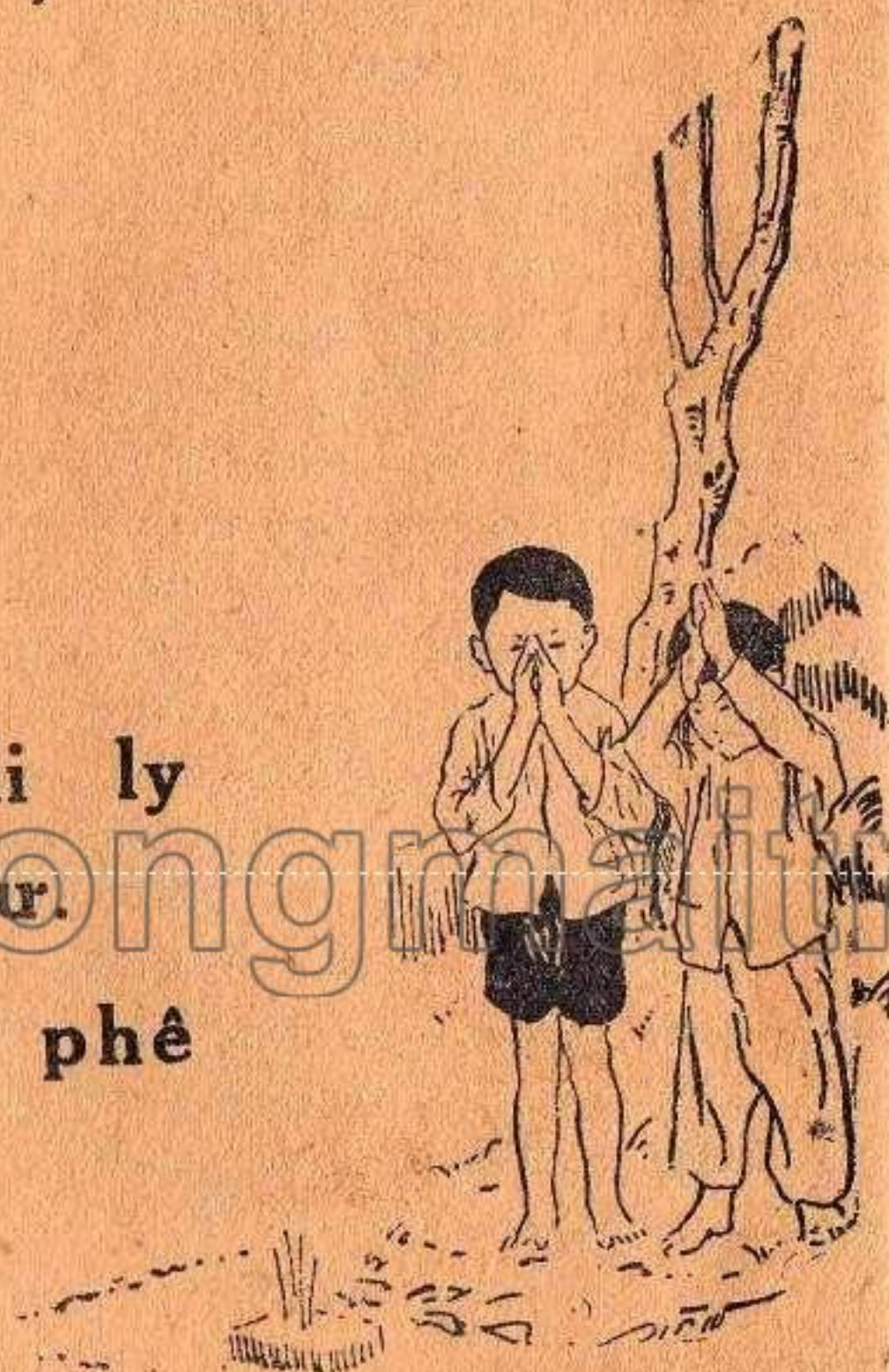
Pha phe phê
phi pho
phô phơ
phu phư.

Phú lễ tồ

Phở lá, phở ở chợ, phu phá
phở hư, phì phà, lê la, lá cờ, mẹ
nó lo.

Tập viết:

Phu phá phở hư



ă â ăm âm
ã ã ẵm ẵm

Tập đọc:

Hăm - hở,
Tâm hò - la
ằm - ỉ, nằm
ẵm lẵm, hả-



Trò Năm tằm



Cái ấm

hê, bé tằm
hồ, no - nê,
té bằm, bằm
bà, bà tằm.

Tập viết:

Bà tằm bé

BÀI SỐ 24

am em êm

am em êm



Đêm êm - đêm

Tập đọc :

Chị cho em cam, em nằm êm,
nằm cam, ham làm, ham tắm
bờ hồ, xem bà làm nem, dèm
pha, tắm rèm, nhem thềm em.

Tập viết :

Lem là làm nem

BÀI SỐ 25

im um ưu

im um ưu



Im-lim

Bồ tơi

Tìm kim chỉ, sợ hùm vồ, xỏ
chỉ vô lỗ kim, ở bờ am lá
um-tùm, tùm năm tùm ba,
nằm im-lim, la cứu ằm-ỉ.

Tập viết :

ở bờ am lá um-tùm

BÀI SỐ 26

om ôm ơm
om ồm ơm

Tập đọc :

Hom-hem lăm,
bà nó móm-
mém, bé ồm,
tôm hùm to,
bà ồm nhom,



Chị Thơm đi chợ sớm



La om sòm

Tập viết :

Bà nó móm-mém

BÀI SỐ 27

an ăn ang ăng
an ăn ang ăng

Tập đọc :

Bán nem, bè
bạn, ham làm ăn
lăm, răn bò ở
bàn, ăn nem bà
lăm, hồ lang,



Trăng



Sân bản

làng xã, lan
tràn, lan-can,
săn bản, vắng
lặng.

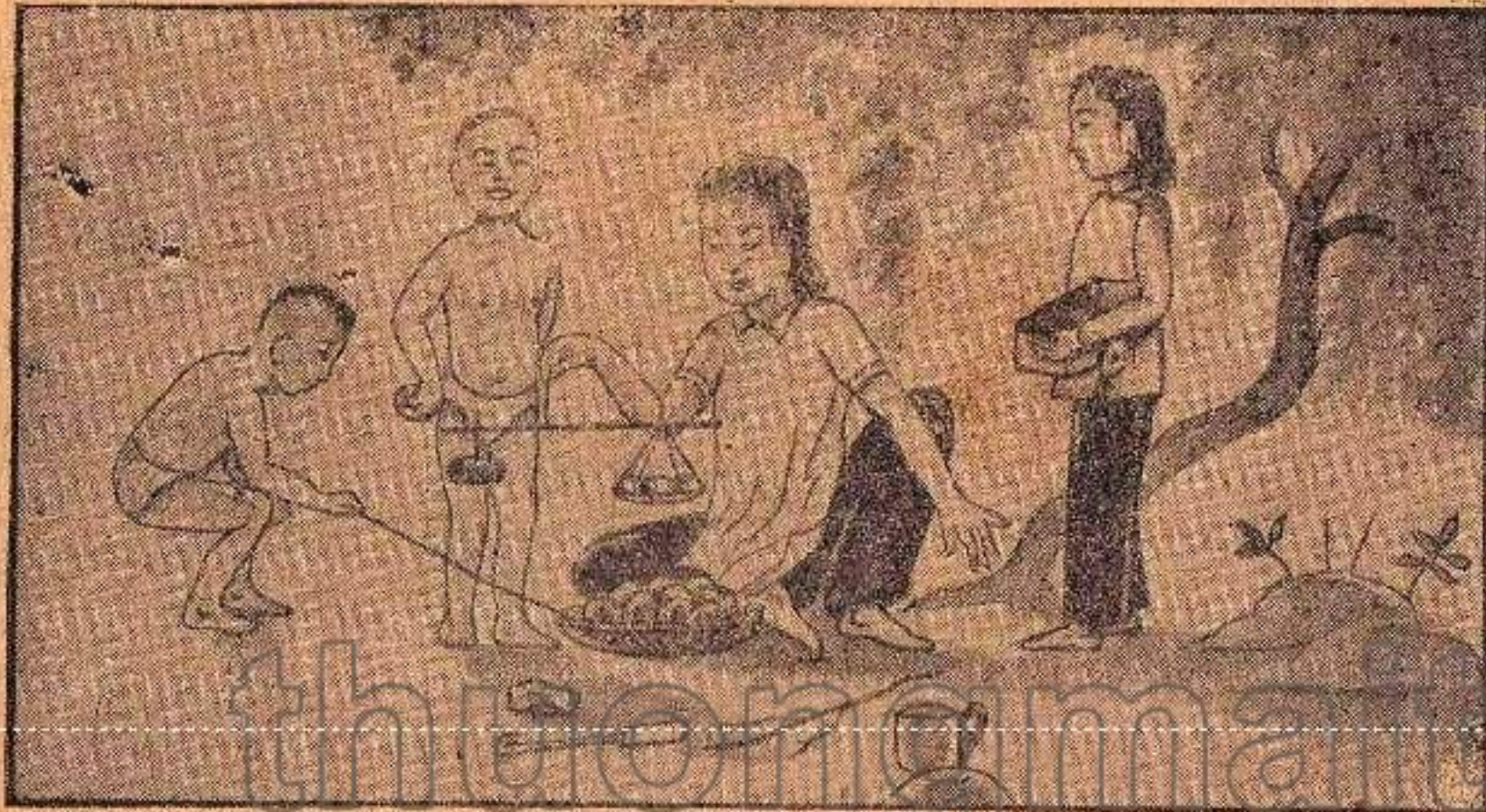
Tập viết :

Ham làm ăn

BÀI SỐ 28

ân un ung

ăn ưn ưng



Cân đồ bán

Tập đọc :

Lần - quần đi thơ - thần, kho
dụn, vụng - về.



Ung-dung lội vũng bùn

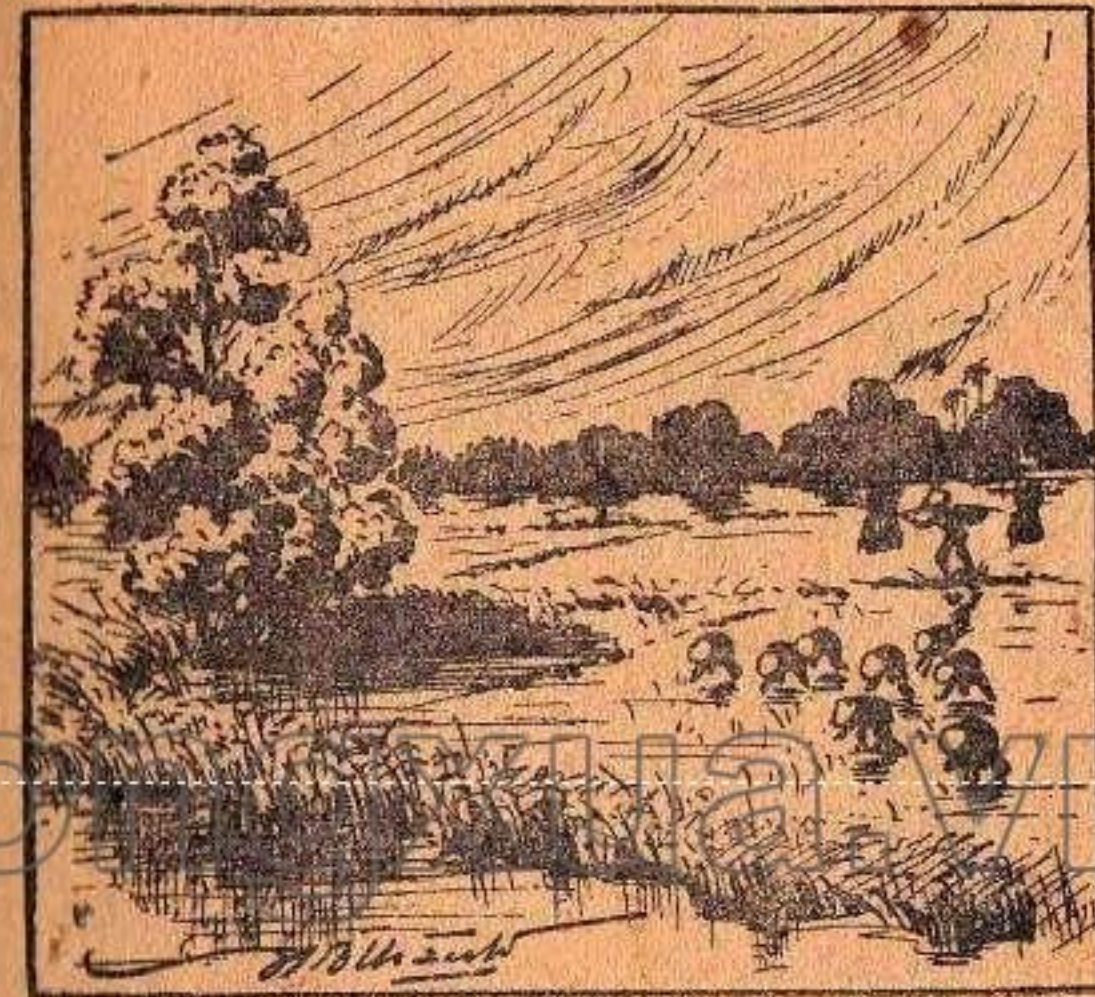
Tập viết :

Vịt lội vũng bùn

BÀI SỐ 31

ong ông ưng

ong ống ưng



Cong lưng cây mạ

Tập đọc :

Ông xã xệ, con mòng, con
ong, ông ung-dung, đồng quê, công
mong chờ, tòng sự, mừng ưng
bụng.

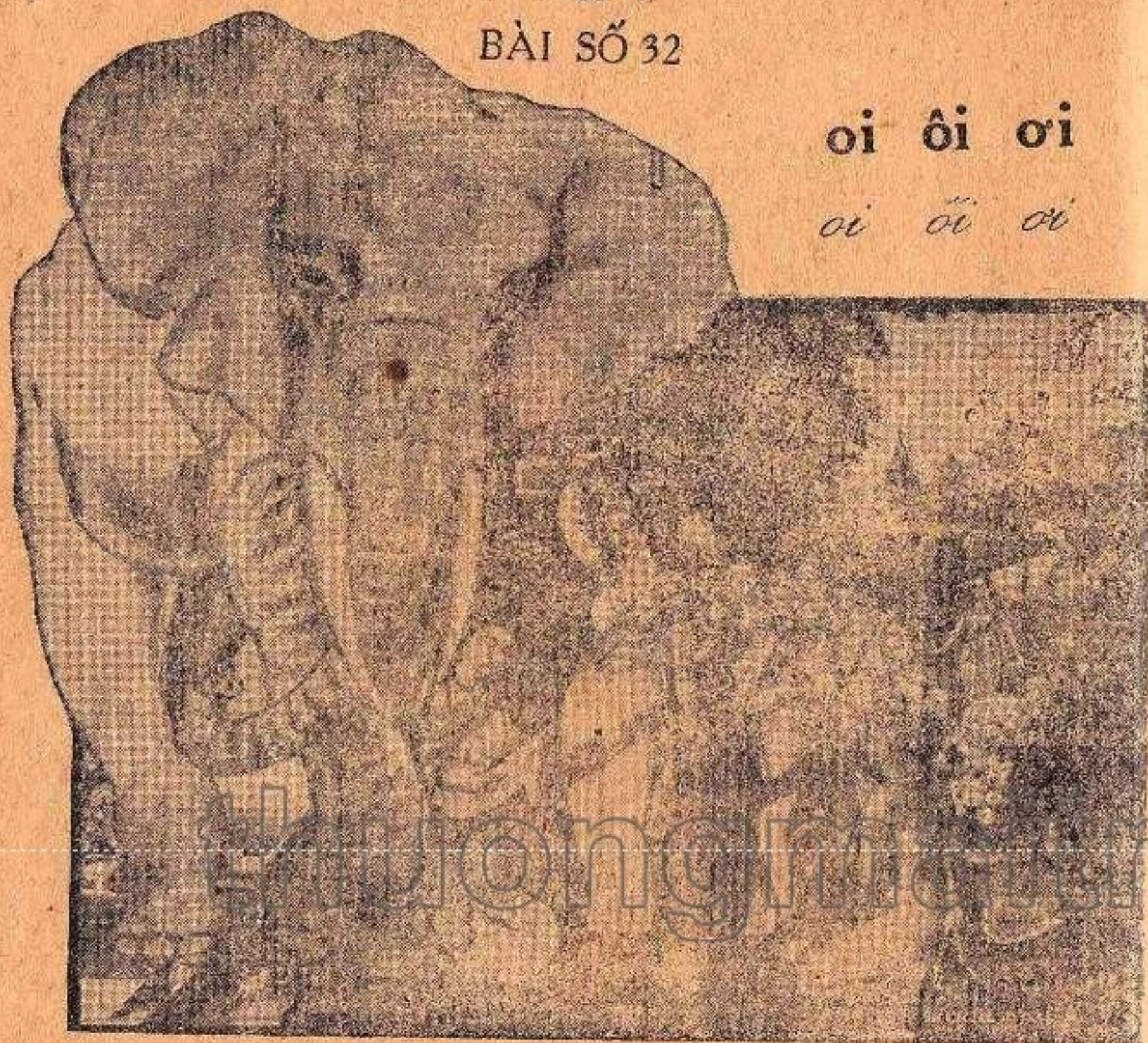
Tập viết :

Bỏ công mong chờ

BÀI SỐ 32

oi ôi ời

oi ôi ời



Con voi khôn

Tập đọc :

Tôi đi chơi, tôi đợi ơn ông, mời
 ông xơi cơm, con voi đi chơi, con
 dơi, Hà-nội là nơi đô-hội, tôi đợi
 bạn nói, đừng nói dối tôi lắm, đợi
 tôi đi với.

Tập viết :

Dẫn ta đi mời

BÀI SỐ 33

ai ít ịa

ai ít ịa

Tập đọc :

Ai ơi, lại chơi
 với tôi, tôi đãi họ,
 vỏ quýt, hai cái tai,
 con vịt, kia kia,



Trái

gai tôm dài, quýt ít ngon,
 cá lia-thia, chia lìa, hai
 nhon, nhon hai.

Tập viết :

*Hai nhon,
 nhon hai.*



Vịt tắm

BÀI SỐ 34

ui uri ec

ui uri ec



Lợn ỉ

Tập đọc :

Đề hai quả mơ ở túi, qu
núi, phúi túi bụi, vui - vẻ, an - ủi
bàn ủi, mùi khó ngủi, cù léc.

Tập viết :

Mùi khó ngủi

BÀI SỐ 35

âng eng et êt

âng eng et êt



Con rết (rít)

Con vẹt

Tập đọc :

Rắn rết, vẹt chết, nghệt mũi,
nét chữ, xem yết thị, làm mệt
rồi nghỉ, ăn tết ở quê, leng-keng,
lòng-keng, nâng đỡ.

Tập viết :

Rắn rết là thú dữ

at ắt ắt iếc

at ắt ắt iếc



Hát xiếc rất vui

Tập đọc :

Tất-tả ra đi, cầm-cúi gặt, ta
tắm mát, sợ-sệt là hèn-nhát, nhà
hát, nhát lá, tối tắt đèn đi ngủ
đi lặt-đặt, bát cơm đôi bát mớ
hôi, hát xiếc, mển tiếc.

Tập viết :

Bát cơm đôi bát mớ hôi

Ot ôt ot

Ot ôt ot



Trò Tất bột quả lót dẹ dề cho kẻ bần.

Tập đọc :

KẸ TỐT BỤNG¹

Cơm đói rét. Trò Tất có lòng tốt, bớt hột
cơm², bớt quả lót dẹ³, dề dãi kẻ bần-nhơn cho
họ bớt túi⁴. Trò Tất tốt bụng thật đáng khen.

Giải-nghĩa : 1. *Tốt bụng* = Có lòng tốt biết thương người —
2. *Hột hột cơm* = Ăn ít cơm — 3. *Quả lót dẹ* = Bánh trái để ăn
buổi sáng — 4. *Túi* = Buồn hờn.

Câu hỏi : Thế nào là tốt bụng?

Có nên giúp đỡ kẻ bần nhơn không?

Giúp bằng cách nào?

Au oc ôc ươi

Au oc ôc ươi

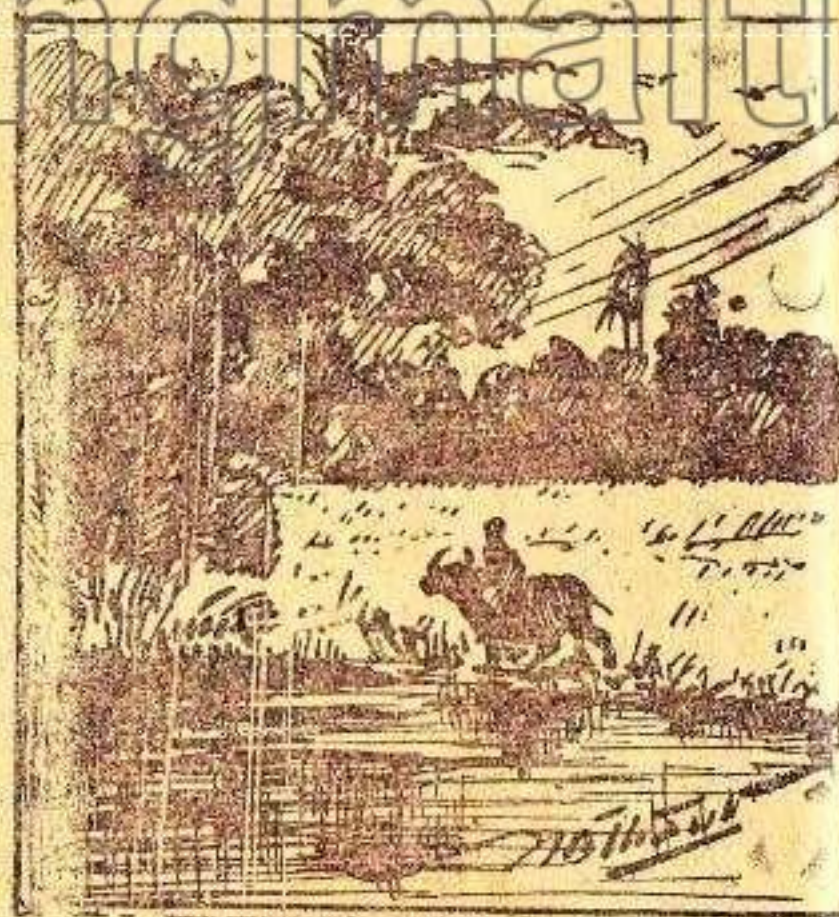


Mau! ta bắt ốc!

Tập đọc:

NGHỈ HÈ

Nay đã nghỉ hè!
Bãi trường hai tháng!
Ta về đồng áng,²
Bỏ cả học-hành.
Sống cạnh tre xanh,
Vui cùng bác mẹ³.
Năm ba lũ trẻ,
Bắt ốc bắt còng.
Thi chạy⁴ trong đồng,
Lúa thơm bát-ngát,
Cùng nhau ca hát,
Cho mọi người vui.



Giải-nghĩa: 1. Hè = Mùa hạ, mùa nóng nực — 2. Đồng áng = Nói chung về ruộng đất cày-cấy — 3. Bác mẹ = Cha mẹ — 4. Thi chạy = Đua chạy

Câu hỏi: Nghỉ hè vào tháng nào? — Có ích chi? — Lúc trò nghỉ nên làm gì để thêm sức khỏe?

Ao ut ut uc ưc

Ao ut ut uc ưc

Tập đọc:

LÚC CÒN TRẺ

Lúc còn trẻ,
Ta đi học.
Bút cùng mực,
Cha mẹ lo.
Nhủ ta học¹,
Bảo ta đọc.
Tận tâm lực²,
Mong đền ơn.
Ơn cúc-dục,
Nghĩa cù-lao³.

(Phỏng theo T.B.Q.N.)



Lúc còn trẻ ta đi học

Giải-nghĩa: 1. Nhủ ta học = Khuyên bảo ta học — 2. Tận tâm lực = Đem hết lòng hết sức — 3. Ơn cúc-dục nghĩa cù-lao = Công ơn cha mẹ.

Câu hỏi: Tại sao lúc trẻ nên chăm học? — Cha mẹ lo cho ta thế nào? — Làm sao đền ơn cúc-dục nghĩa cù-lao?



Ac ăc ác âu

Ac ăc ác âu



Tập đọc

Các dân tộc

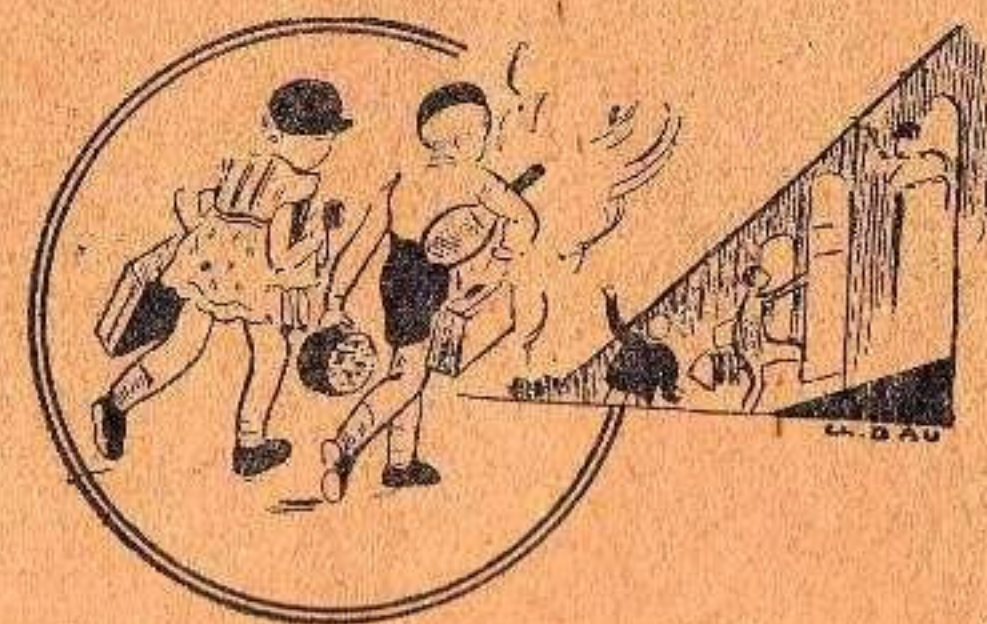
CÁC DÂN TỘC

Các dân-tộc,
Bắc chí Nam,
Trên địa-cầu,
Trong năm châu¹
Xem màu da,
Khác nhau xa,
Phải mến nhau,
Mới thái-bình.

Giải-nghĩa : 1. Dân-tộc = Dân cùng một châu một nước —
2. Địa-cầu = Quả đất — 3. Năm châu = Âu, Á, Mỹ, Phi, Úc —
4. Màu da = Sắc da : trắng, đen, vàng, đỏ.
Câu hỏi : Có mấy châu trên địa-cầu ? Trái đất hình thế nào ? — Theo màu da thì có mấy giống người ? — Làm sao được thái-bình ?

Anh ênh

Anh ênh



Anh em đi nghỉ hè

Tập đọc

ANH EM

Anh em, chị em trong nhà, cha mẹ cùng
sinh¹ ra. Anh nên bênh-vực² em, em nên kính
trọng anh. Tình³ anh em nên khắn-khít⁴ cho
cha mẹ vui lòng.

Giải-nghĩa : 1. Sinh = Đẻ — 2. Bênh-vực = Che-chở không
cho ai ăn hiếp — 3. Tình khắn-khít = Là yêu nhau tha-thiết —
4. Khắn-khít = Không rời-rã

Câu hỏi : Ai sinh ra anh chị em và mình ? — Anh đối với em
thế nào ? — Em đối với anh thế nào ? — Anh em hòa-thuận cha
mẹ có vui lòng không ?

Ach êch ich iêng
Ach êch ich iêng



Ích ! con đừng tinh nghịch

Tập đọc :

ANH ÍCH HƯ

Nơi tràng anh Ích đã không siêng học, lại còn phách-lỗi¹. Anh chỉ tìm cách tinh-nghịch² anh em bè bạn, làm ai cũng mếch-lòng. Về nhà, anh thích³ chơi-bời ỡ-ạc⁴, cha mẹ có phen-nàn trách-móc cũng vô ích.

Anh Ích thật là đáng chê.

Giải-nghĩa : 1. Phách-lỗi = Coi mình cao hơn người — 2. Tinh-nghịch = Phá khuấy — 3. Thích = Ưa. — 4. Ỡ-ạc = om sòm, ầm-ĩ.

Ao ay ây
Ao ay ây



Trao gậy an-ủi

CỨU ĐỠ BẦN NHON¹

Nạn lụt² đói,
Dân khổ³ thay!
Hỡi mầy ai!
Lòng dạ tốt,
Vót lẫn nhau,
Bằng gạo rau,
Bằng an-ủi,
Cho đỡ tủi,
Qua tháng ngày.

(Phỏng theo T. B. Q. N.)

Giải-nghĩa : 1. Bần nhon = Người nghèo khổ — 2. Lụt = Nước tràn ngập nhà cửa v. v... — 3. Dân khổ = Người trong một nước phải bị đau đớn.

Câu hỏi : Bần nhon là gì ? — Làm thế nào giúp đỡ bần nhon ? — Nếu không tiền của giúp đỡ cách nào ?



Ep iu
Ep iu

Ăn mặc không cần quá đẹp

Tập đọc :

CÁCH ĂN MẶC

Cách ăn mặc ' không cần đẹp-đẽ,
Quý hồ ' cho gọn - ghẽ ' dễ coi.
Bằng ta bần-thịu ' lời thôi,
Ấy là vô phép với người xung quanh.

NGUYỄN - VĂN - NGỌC

Giải-nghĩa : 1. Ăn mặc = bận áo quần — 2. Quý hồ = tốt hơn — 3. Gọn-ghẽ = thanh mà không xóc-xéch — 4. Bần-thịu = dơ-bẩn, bầy-hầy.

Câu hỏi : Ăn mặc thế nào cho gọn-ghẽ ?
Tại sao ăn mặc lời thôi là vô phép ?

Ap ăp áp
Ap ăp áp



Tập đọc :

Tập thể-dục

TẬP THỂ - DỤC

Tập thể-dục là cách vận-dộng cho thân-thể mạnh-mẽ. Có tập thể-dục, bắp thịt mới nở-nang', mập-mạp, gân cốt mới cứng-cát, sức-lực mới dồi-dào'. Vì đó mà tinh-thần được minh-mẫn' và tính-khí được vui-vẻ.

Giải-nghĩa : 1. Nở-nang = Trở nên to lớn — 2. Dồi-dào = Sung-túc — 3. Minh-mẫn = Sáng-suốt

Câu hỏi : Thể-dục là gì ?
Thể-dục có ích thế nào ?
Hãy sánh người tập thể-dục với người không ưa vận-dộng.

BÀI SỐ 46

Êp ip up ương

Ep ip up ương

Tập đọc:

NGƯỜI ĂN XIN

Bên lộ, một người què đang lê chân¹ cựa-nhọc. Khi thấy khách qua đường², lật-dật sẽ tay gầy-gò³ kíp thu nhặt đồng chính, hay miếng cơm, miếng nếp đỡ lòng.

Thương thay tấm thân vất-vả⁴ 'lầm-than'⁵ rầy đây mai đó! Một túp nhà tranh⁶ cũng không có, đành phải ngủ đình ngủ chợ!

Thương thay! ta
khá giúp người

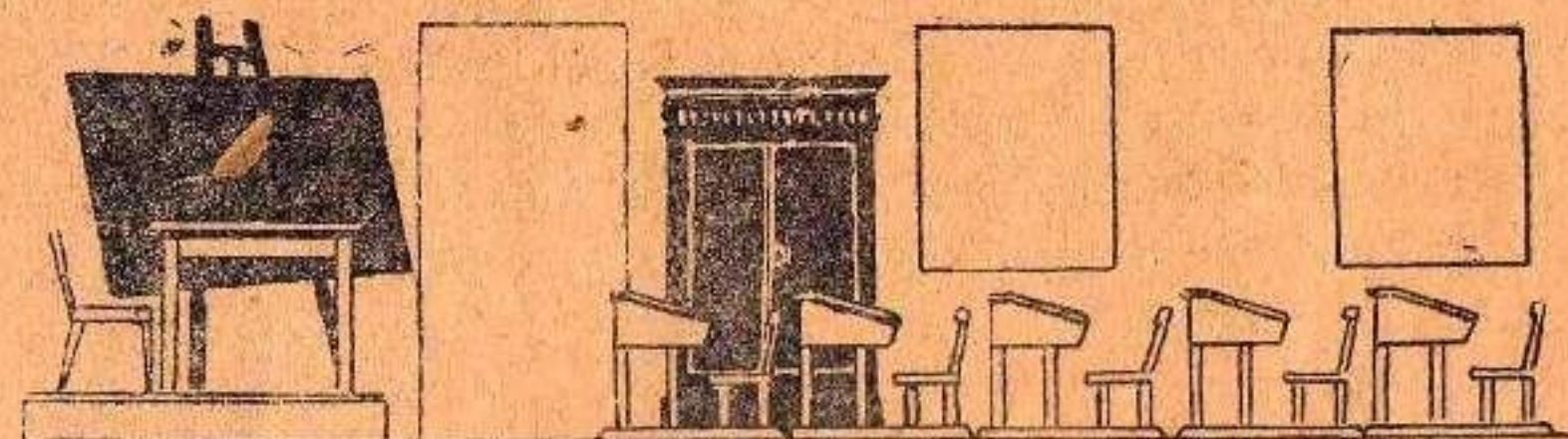
Giải-nghĩa: 1. Lê chân = Lết chân — 2. Khách qua đường = Khách đi qua lại bên đường — 3. Gầy-gò = Ốm nhom — 4. Vất-vả = Khổ-sở — 5. Lầm-than = Khốn-khở — 6. Túp nhà tranh = Nhà nhỏ lợp sơ-sài bằng cỏ tranh, thứ cỏ mọc ở đồng hoang;

Câu hỏi: Người què là người thế nào? — Khi thấy khách qua đường thì người què làm sao? — Tại sao phải thương người què?

BÀI SỐ 47

Op ôp ơp

Op ôp ơp



Lớp học

Tập đọc:

HỌC TRÒ ĐỐI VỚI THẦY

Khi vào lớp, tôi nghe lời thầy; thầy bảo gì tôi cũng phải làm. Lúc vào học, lúc ra về, tôi phải chào thầy. Khi gặp thầy ở lộ, hay chốn hội-hợp¹ nào, tôi cũng mọp² chào rất cung-kính.

Giải-nghĩa: 1. Hội-hợp = Tụ nhóm — 2. Mọp = Cúi xuống.

Câu hỏi: Tại sao phải vâng lời thầy?

Bồn phân trò đối với thầy phải thế nào?

Phải làm sao tỏ ra mình có lễ phép?

BÀI SỐ 48

lêm ưc

Lêm ưc



Con Lang

CON LANG VÀ CON CỌP

Một con lang¹
Đi kiếm mồi
Được con lợn²
Tha về đôi³
Lội ỳ ọp
Thở nghi ngóp
Bỗng gặp cọp
Đầu đến chộp.⁴

NGUYỄN-VĂN-NGỌC

Giải-nghĩa : 1. Lang = Chó sói — 2. Lợn — Heo — 3. Đôi = Cái nông cao — 4. Chộp = Bắt liền.

Câu hỏi : Con lang xứ Việt-Nam có không? — Lang bắt được con gì? — Nó đem về đôi cực chẳng? — Tại sao phải hoài công vô ích?

BÀI SỐ 49

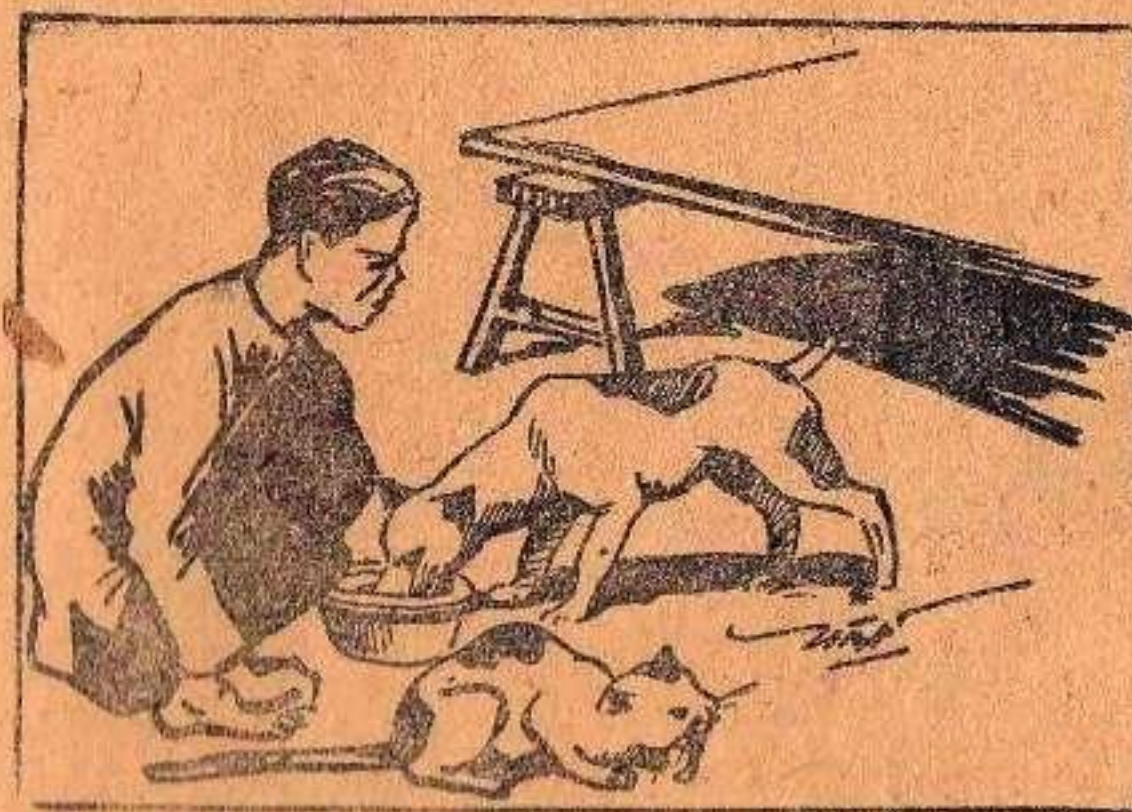
Eo oao uôi uôt

Eo oao uôi uôt

Tập đọc :

CON MÈO
CỦA TÔI

Con mèo của
tôi lông vàng
lại có đốm
đen. Trên mặt
có một vết
lông trắng.



Chó mèo ăn

Hai bên mép cổ râu tĩa ra như những sợi tơ nhện.



Con mèo của tôi

Cái đuôi dài, thân
mình mềm - mại,
dáng đi quí phái²
khác thường. Lúc
cao-hừng³ nó kêu :
« ngoao ! ngoao ! ».

Chẳng bao giờ nó
bắt chuột. Nhưng
chỗ nào có nó thì chuột trốn mất.

Giải-nghĩa : 1. Vết = đốm — 2. Quí phái = hang người sang trọng — 3. Cao-hừng = cảm-kích, phấn khởi.

Câu hỏi : Con mèo này khác với con mèo trò chỗ nào? Lúc nào nó kêu ngoao, ngoao? — Hãy tả con mèo lúc giỡn mồi?

Uê ua ư

Uê ua ư



Trời mưa

Tập đọc :

MƯA

Một hôm trời
oi - ả¹ khác
thường: không
một mảy gió;
cây - cối im
phăng - phắc².
Bỗng trời tối
sầm³ lại. Mây
đen kéo mịt-mù.

Gió lạnh thổi đến. Những cành lan, huệ tơi-bời, những lá khô bay tung trước gió. Mưa bắt đầu rớt hột trước nhỏ sau to. Nơi góc trời chớp sáng, sấm-sét vang động.

Một giờ sau, mưa mỗi lúc mỗi thưa, rồi dứt hẳn. Cảnh vật trở nên trong sáng tung-bùng.

Phỏng theo TRẦN-TIỂU

Giải-nghĩa : 1. Oi-ả = khó thở — 2. Phăng-phắc = không lay động chút nào — 3. Tối sầm = tối om.

Câu hỏi : Không-khi trước khi mưa thế nào? — Tả quang cảnh trước khi mưa. Lúc mưa thấy gì? — Cảnh vật sau khi mưa thế nào?

Eu oa iết

Eu oa iết

Tập đọc :

TÔI ĐI HỌC

Năm nay tôi
lên bảy tuổi.
Tôi không
chơi đùa lêu-
lồng¹ như
mấy năm còn
bé. Tôi đi học.
Tôi học đọc,
học viết, học
tính, học vẽ
và nhiều khoa-học² khác nữa.

Tôi cố tôi học, tôi chăm tôi học. Học sao cho mau tấn tới³, cho « văn hay chữ tốt », cho cha mẹ và thầy giáo được vui lòng.

Q. V. G. K. T.

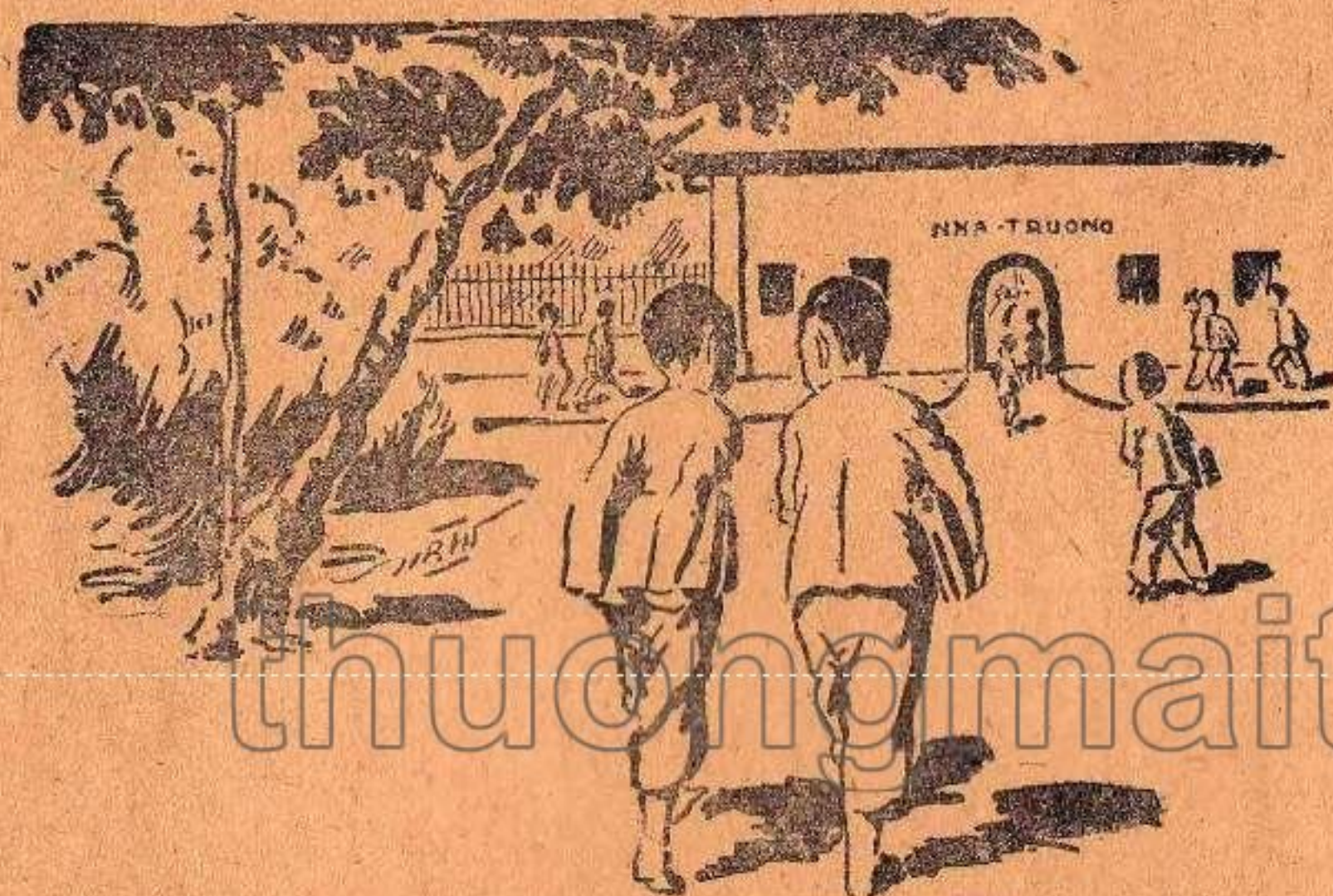
Giải-nghĩa : 1. Lêu-lồng = tha hồ chơi đùa không ai ngăn cấm — 2. Khoa-học = các môn dạy ở nhà trường như luân-lý, toán-pháp, địa-dư, sử-ký — 3. Tấn tới = giỏi hơn lên.

Câu hỏi : Ở trường học những gì? Tại sao phải học cho mau tấn tới?



Oai oe ướt uôn

Oai oe ướt uôn



ANH EM BẠN NƠI TRƯỜNG

Anh em bạn nơi trường chẳng mấy người là giống nhau: anh khỏe¹, anh gầy, anh cao, anh thấp, anh thì quần bở áo vải, anh thì the lụa lượt-là². Có anh hiền-lành tử-tế, có anh hung-dữ³ oai-nghi. Nhưng tôi coi cả thấy như nhau. Tôi không ăn hiếp⁴ ai, tôi cũng không xấc-xược với ai. Tôi thương tất cả như anh em ruột một nhà, và luôn luôn giúp đỡ.

Phỏng theo Q. V. G. K. T.

Giải-nghĩa : 1. *Khoẻ* = có sức mạnh — 2. *Lượt-là* = đồ hàng lụa — 3. *Hung-dữ* = tính bạo tợn — 4. *Ăn hiếp* = cậy khỏe mà đè nén những kẻ yếu hơn mình.

Câu hỏi : Đối đãi với anh em bạn cách nào ? — Tại sao phải thương nhau như ruột thịt ?

Yêm yên yêt yêu iêu

Yêm yên yêt yêu iêu



Tập đọc :

Chị đan yếm

CHỊ TÔI

Chị tôi được mười bảy tuổi. Hình vóc yêu-kiểu¹, gương mặt chữ điền², mũi cao mắt sáng, hai má lại núng đồng tiền³, miệng cười rất có duyên. Chị tôi âu-yếm⁴ các em và yêu quý cha mẹ. Chị tôi quyết chí làm yên lòng người, chớ chẳng hề trái ý người.

Ai trông thấy chị tôi cũng đều yêu-mến.

Giải-nghĩa : 1. *Yêu-kiểu* = thướt-tha và xinh đẹp — 2. *Chữ điền* = hình vuông giống như chữ điền (chữ nho) nghĩa là ruộng. 3. *Núng đồng tiền* = gò má có núng một lỗ khi cười — 4. *Âu-yếm* = cưng.

Câu hỏi : Hình vóc chị thế nào ? Tại sao người người đều yêu-mến chị ?

BÀI SỐ 54

Uy uây uyết uyên uya

Uy uây uyết uyên uya



Thầy giáo và cha tôi

Tập đọc :

THẦY HỌC

Đi học phải có thầy.
Không thầy dạy-dỗ
quyết không nên
công chuyện gì. Tuy
thức khuya dậy sớm,
nhưng không thầy
giảng - giải¹, mình
hiếu sao nổi bài học.

Tuy biết suy-nghĩ, nhưng không thầy cắt nghĩa,
mình làm sao nổi bài tính. Lại còn khi thấy
khuyên bảo mình lẽ thiệt hơn², thấy dẫn-giải
khiến mình khuây-khỏa³ nổi buồn-bực. Bởi thế,
ta phải kính trọng thầy học.

T. B. Q. N.

Giải-nghĩa : 1. Giảng-giải = cắt nghĩa — 2. Lẽ thiệt hơn =
điều phải điều quấy — 3. Khuây-khỏa = giảm bớt.

Câu hỏi : Thầy học giúp ta những gì? — Lúc ra đời thầy
còn giúp ta nữa chăng? — Ta có nên kính trọng thầy chăng?

BÀI SỐ 57

Oat oắt uất uyt uộc

Oat oắt uất uyt uộc

Tập đọc :

SÀI-GÒN

Sài-gòn là
một đô - thị
lớn nhất ở
xứ Việt-
Nam. Với
những lâu-
đài hoa-lê¹,
đường sá



Đô-thị Sài-gòn

rộng-rải, với vườn bách - thảo có lối đi ngoắt-
ngoéo² đầy hoa thơm cỏ lạ, người ngoại - quốc
tặng nó là hòn ngọc Viễn-Đông.

Sài-gòn cũng là một thương-cảng rất quan-
trọng. Nơi đây người ta hoạt - động không
ngừng. Đây là nơi nhập cảng³ những máy-móc
thuộc-men, và các đồ mỹ-thuật khác. Nó là nơi
xuất cảng⁴ lúa gạo tôm cá vân vân...

Ban ngày tiếng còi ô-tô và ô-tô-buýt không
ngớt. Ban đêm đèn điện sáng choang.

Giải-nghĩa : 1. Hoa-lê = đẹp-dẽ, trang-hoàng, lộng-lẫy —
2. Ngoắt-ngoéo = cong queo — 3. Nhập-cảng = mua đồ ngoại
quốc — 4. Xuất cảng = đem đồ thổ-sản bán ra ngoại quốc.

Câu hỏi : Sài-gòn có xứng với tiếng gọi hòn ngọc Viễn-
Đông chăng? Tại sao? — Sài-gòn xuất cảng những gì? — Nhập
cảng những gì?

Uênh yêng uâng oang oăc uynh uyeh
Uênh yêng uâng oang oăc uynh uyeh

Tập đọc:

VƯỜN BÁCH-THÚ

Kìa ! Trong
chuồng to, một bầy
khỉ nhỏ liến-thoảng¹
leo chuyền, nhảnh
răng, trợn mắt ;



hoặc thỉnh - thoảng lại oái-oăm² khọt-khệt. Nó
dưới hăm sâu, hai con gấu mực bộ-tịch xuyên-
xoảng³, vật nhau huỳnh - huỳnh⁴. Xa xa mấy
con sóc đang đùa giỡn bỗng thấy bóng người.



Voi

Sư-tử ở vườn bách-thú
vụt băng-khuảng⁵, hốt-
hoảng, lẹ-làng leo lên
cây trông xuống. Cũng
có chỗ nuôi sấu, cạp,
sư-tử, voi, trăn, rắn,
cuộc, vẹt, yêng cùng
các thứ chim lạ thật là
ngoạn-mục⁶ !

Giải-nghĩa : 1. Liến-thoảng = rần rần — 2. oái-oăm = đi
kỳ, hung ác — 3. Xuyên-xoảng = đi xàng qua xàng lại — 4.
Huỳnh-huỳnh = thỉnh-thịch — 5. Băng-khuảng = cảm sợ —
6. Ngoạn-mục = xem vui mắt.

Câu hỏi : Trong vườn bách-thú có gì ? — Hãy tả mỗi con
xem ? — Kể những thứ chim ?

Uôm uơp oay oanh
uôm uơp oay oanh

Tập đọc:

MỘT MIẾNG VƯỜN

Trong vườn có
xẻ mường. Trên
liếp trồng chuối,
xen lẫn với dừa,
xoài, ổi v. v. . .
Bên cạnh một gốc
lựu đơm bông đỏ
lói, có một giàn
mướp hương sai
quả¹. Những quả
còn non, phơn-
phớt² mịn-màng³,
nhờn-nhờ⁴ trước
gió, bay mùi
thơm ngát. Có nhiều chiếc hoa, vàng, đỏ, tươi
thắm trông rất đẹp mắt. Một con bướm xanh,
xoáy đỏ, loanh-quanh⁵ hết bông nọ đến bông kia.



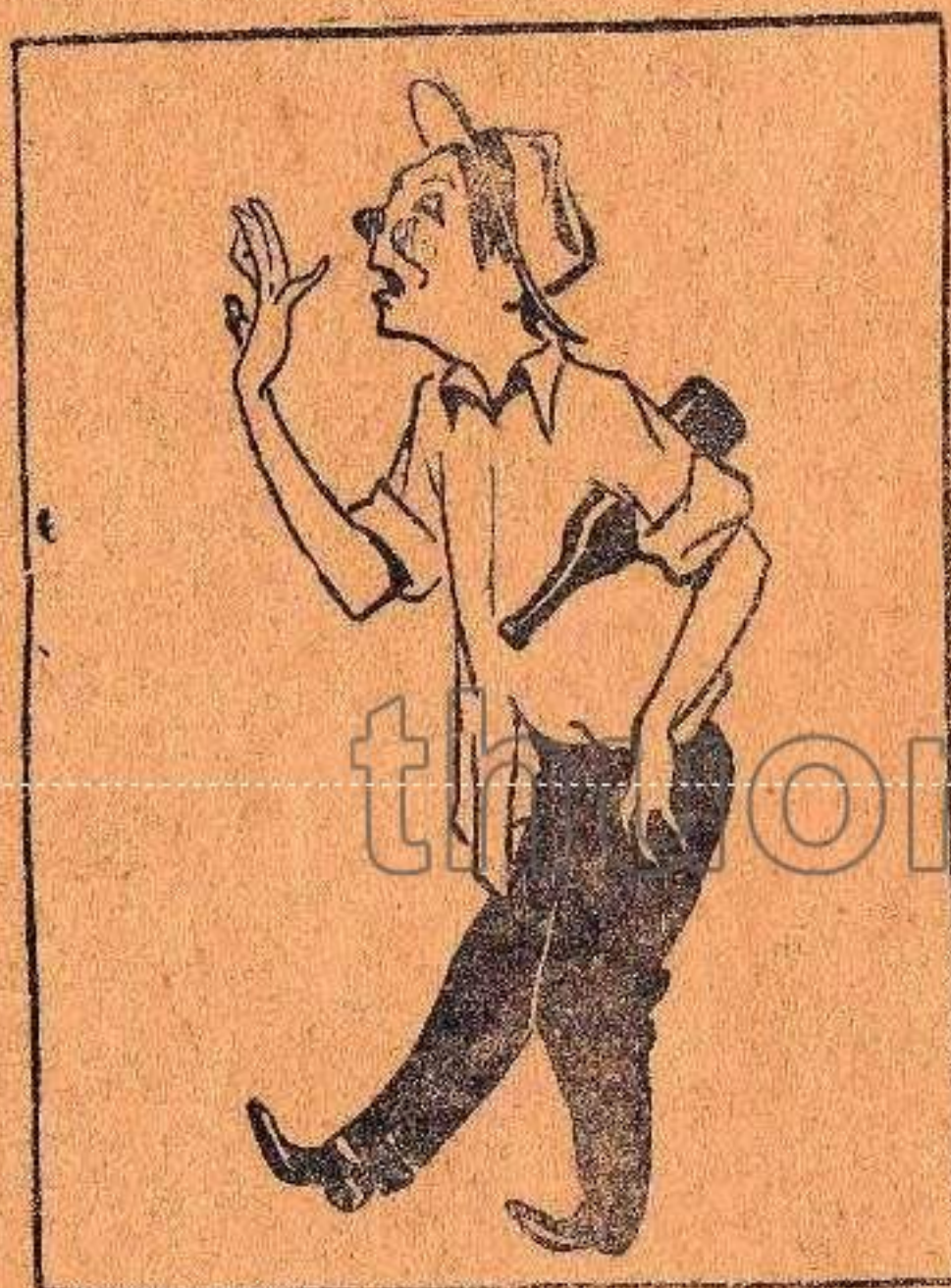
Gánh nước tưới hoa

Giải-nghĩa : 1. Sai quả = có nhiều trái — 2. Phơn-phớt =
nhẹ-nhập, màu dợt — 3. Mịn-màng = mượt-diệu — 4. Nhờn-
nhờ = đùa cợt — 5. Loanh-quanh = rập-rờn xung quanh.

Câu hỏi : Trên liếp trồng những gì ? — Miếng vườn có đẹp
chăng ? — Đẹp chỗ nào ?

Ươu oap oach

ưou oap oach



Người say rượu

Tập đọc:

NGƯỜI SAY RƯỢU

Kìa! kìa! một
người say rượu.
Mặt đỏ gay¹,
áo quần xộc-
xếch², đi ngã tới
ngã lui, miệng
nói lảm - nhảm³.
Thỉnh-thoảng lại
ngoáp bợt⁴, trông
thấy chẳng khác
gì người điên.

Người nghiện
rượu thường
nghĩ mưu - mô,
tìm kế-hoạch để

lường gạt vợ con được có tiền mua rượu.

Rượu làm hạ phẩm - giá⁵ con người.

Giải-nghĩa: 1. Đỏ gay = đỏ lỏm — 2. Xộc-xếch = nát
nhàu — 3. Lảm-nhảm = nói lảm-xảm — 4. Ngoáp bợt = ngoáp
có chảy nước miếng — 5. Phẩm-giá = giá-trị do đức-tánh
cao-qui mà ra.

Câu hỏi: Người say rượu hình-dạng thế nào? — Ăn nói
thế nào? — Tại sao nghiện rượu hạ phẩm-cách con người? —
Nghiện rượu có hại đến gia-đình chăng?

BAI HỌC THUỘC LÒNG

Ài ơi, chớ vội cười nhau,
Ngắm mình cho tỏ trước sau sẽ cười.
Cười người chớ khá cười lâu,
Cười người hôm trước, hôm sau người cười.

CA - DAO

*

THẦY BẠN

Học thầy biết ơn thầy,
Có thầy ta mới hay.
Nghĩa lý không bờ bến,
Ai trở con đường ngay?

*

NGHỀ - NGHIỆP

Học thầy, vui có bạn,
Đua bạn, học không chán.
Bạn hiền, ta kính yêu,
Bạn dở, đừng thân-thiết.

TÂN - ĐÀ

*

THƯƠNG NGƯỜI NHƯ THỂ THƯƠNG THÂN

Thấy người hoạn nạn thì thương,
Thấy người tàn tật lại càng trông nom.

Thấy người già yếu ồm mồm,
Thuốc thang cứu giúp, cháo cơm đỡ-dần.
Trời nào phụ kẻ có nhân,
Người mà có đức muôn phần vinh-hoa.

NGUYỄN - TRÃI (gia-huấn)



LÚC BÉ CỐ CHĂM HỌC

Ốc khôn trời cho ta,
Sự học nhờ ông cha.
Siêng-năng nên tài đức.
Ngày xuân chớ nhãng qua.



Chúng ta đương ngày xuân,
Việc học nên chuyên cần.
Lúc bé cố chăm học,
Mai sau rồi nên thân.

TÂN - ĐÀ



NGƯỜI KHÔN

Người khôn chẳng lọ nói nhiều,
Người khôn mới nói nửa điều đủ khôn.
Người khôn đón trước rào sau,
Để cho người dại biết đâu mà dò.

CÁ - ĐÀO

IN, XUAT BẢN VÀ PHÁT-HÀNH TẠI
NHÀ IN VÀ NHÀ SÁCH
NGUYỄN-VĂN-HUÂN
35, Colonel Grimaud
SAIGON

huongmaitruongxua.v

Giấy phép số 640/T.X.B.
Ngày 28 tháng 8 đ. l. năm 1952

12.000

Giá: 10.000